

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ
NHƠN TRẠCH 2**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

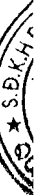
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2011
đến ngày 30 tháng 6 năm 2011**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 19

1/2/2024 10:00:00 AM



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Tự Hiếu	Chủ tịch
Ông Hoàng Xuân Quốc	Thành viên
Ông Đặng Minh Phong	Thành viên
Ông Lương Ngọc Anh	Thành viên
Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2011)
Ông Đoàn Minh Mẫn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2011)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Xuân Quốc	Tổng Giám đốc
Ông Ưng Ngọc Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Đức Nhân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quang Thiên	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

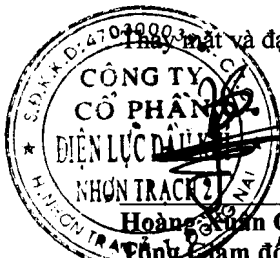
Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hoàng Xuân Quốc
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 7 năm 2011

11/2021
CHÍNH
CÔNG
ÁCH NHIỆM
ĐELO
VIỆT
(TP. H
V/17H

Số: 12 /2012/Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thuyết minh báo cáo kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 19. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề đáng lưu ý nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Phạm Hòa
Phó Tổng Giám đốc, kiêm
Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 28 tháng 7 năm 2011
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Kim Long Hải
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1503/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		946.052.942.549	1.761.505.805.557
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	7.585.126.888	15.070.108.688
1. Tiền	111		7.585.126.888	15.070.108.688
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		316.807.216.929	1.232.789.078.167
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	316.807.216.929	1.232.789.078.167
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		483.118.173.114	436.628.028.894
1. Phải thu khách hàng	131	7	218.064.917.919	
2. Trả trước cho người bán	132	8	49.920.995.075	345.568.879.085
3. Các khoản phải thu khác	135	7	215.132.260.120	91.059.149.809
IV. Hàng tồn kho	140		119.014.903.646	-
1. Hàng tồn kho	141	9	119.014.903.646	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.527.521.972	77.018.589.808
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		662.100	2.151.828
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15.138.377.642	73.137.527.850
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	10	4.124.732.230	3.628.910.130
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		263.750.000	250.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.652.208.484.011	9.741.255.033.271
I. Tài sản cố định	220		10.640.646.251.749	8.810.786.839.794
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	5.942.926.796	6.765.642.408
- Nguyên giá	222		10.461.678.313	10.394.640.678
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.518.751.517)	(3.628.998.270)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	10.634.703.324.953	8.804.021.197.386
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		11.140.000.000	11.140.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	13	11.140.000.000	11.140.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.000.422.232.262	919.328.193.477
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	1.000.422.232.262	919.328.193.477
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		12.598.261.426.560	11.502.760.838.828

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		10.843.351.675.324	8.726.646.205.213
I. Nợ ngắn hạn	310		1.590.969.310.697	1.668.956.916.914
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	631.541.143.337	1.067.363.731.610
2. Phải trả người bán	312		797.266.142.599	589.018.115.546
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	182.769.373	151.187.043
4. Phải trả người lao động	315		2.743.375.944	2.377.699.871
5. Chi phí phải trả	316	17	147.735.851.783	6.585.060.143
6. Các khoản phải trả khác	319		1.766.284.749	551.581.299
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		9.733.742.912	2.909.541.402
II. Nợ dài hạn	330		9.252.382.364.627	7.057.689.288.299
1. Vay và nợ dài hạn	334	18	9.247.735.431.434	7.053.042.355.106
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		4.646.933.193	4.646.933.193
B. NGUỒN VỐN	400		1.754.909.751.236	2.776.114.633.615
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	1.754.909.751.236	2.776.114.633.615
1. Vốn điều lệ	411		2.560.000.000.000	2.560.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		163.455.502.290	163.455.502.290
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(1.005.526.539.373)	6.541.765.513
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		19.512.572.631	17.930.478.253
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		17.468.215.688	28.186.887.559
			-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		12.598.261.426.560	11.502.760.838.828

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
1. Ngoại tệ các loại			
- USD		63.851,38	38.996,29
- EUR		29.057,45	147.449,08



Nguyễn Xuân Quốc
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 7 năm 2011

Nguyễn Hữu Minh
Nguyễn Hữu Minh
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

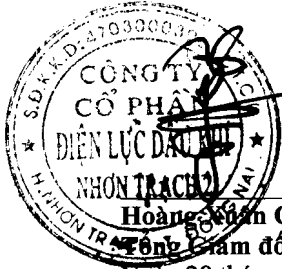
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2011 đến ngày 30/6/2011

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010
1. Doanh thu hoạt động tài chính	21		15.692.045.924	66.931.511.989
2. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(13.170.697.341)	(10.204.120.602)
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.521.348.583	56.727.391.387
4. Thu nhập khác	31		-	8.571.600
5. Chi phí khác	32		(1.210.348.869)	-
6. Lợi nhuận khác	40		(1.210.348.869)	8.571.600
7. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.310.999.714	56.735.962.987
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	(327.749.929)	(14.184.970.747)
9. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		983.249.785	42.550.992.240



Hoàng Hữu Quốc

Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 7 năm 2011

Nguyễn Hữu Minh
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2011 đến ngày 30/6/2011

MẪU B 03-DN
 Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.310.999.714	56.735.962.987
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	635.677.109	637.011.582
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(15.692.045.924)	(66.931.511.989)
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(13.745.369.101)	(9.558.537.420)
Tăng các khoản phải thu	09	(282.443.536.090)	(83.656.152.932)
Tăng hàng tồn kho	10	(119.014.903.646)	-
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	141.042.008.921	(283.303.883)
Tăng chi phí trả trước	12	(75.598.520.237)	(222.444.750.193)
Tiền lãi vay đã trả	13	(126.985.416.631)	(30.970.621.047)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(823.572.029)	(14.190.093.666)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.025.642.868)	(3.370.074.018)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(479.594.951.681)	(364.473.533.159)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định	21	(1.283.132.605.187)	(1.238.048.995.062)
2. Tiền thu hồi từ đầu tư	26	963.752.328.618	905.115.181.040
3. Thu lãi tiền gửi	27	13.500.881.892	57.419.978.602
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(305.879.394.677)	(275.513.835.420)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.895.068.555.037	1.767.774.955.998
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.116.415.390.848)	(1.800.703.138.366)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	778.653.164.189	(32.928.182.368)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(6.821.182.169)	(672.915.550.947)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	15.070.108.688	1.218.594.514.950
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(663.799.631)	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	7.585.126.888	545.678.964.003

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính


Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Lãi từ hoạt động đầu tư trong kỳ không bao gồm số tiền 2.191.164.032 đồng (tại ngày 30 tháng 6 năm 2010: 9.511.533.387 đồng), là số tiền lãi dự thu phát sinh trong kỳ mà chưa được nhận. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng các khoản phải thu.



Nguyễn Xuân Quốc
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 7 năm 2011


Nguyễn Hữu Minh
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000396 ngày 20 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp, và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 3600897316 ngày 18 tháng 5 năm 2011.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 208 người (năm 2010: 80 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là quản lý đầu tư xây dựng và vận hành các công trình điện; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Kho bãi và lưu giữ hàng hoá; Bán buôn thiết, bị vật tư, phụ tùng để sản xuất kinh doanh điện; Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Thực hiện các dịch vụ kỹ thuật thương mại trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điện; Đào tạo nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình nhiệt điện.

Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản dự án Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

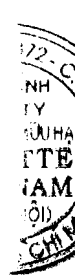
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Phương tiện vận tải	6 - 8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản phí bảo hiểm cho khoản vay dài hạn từ nước ngoài, chi phí bảo trì bảo dưỡng và lãi vay thanh toán cho hợp đồng bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị nhà máy điện và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Các khoản phí kể trên được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian của hợp đồng vay và hợp đồng bảo trì dài hạn đã ký kết.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

Ngoại tệ

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ của các tài khoản số dư bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại trong giai đoạn xây dựng cơ bản, được ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá" trong phần "Vốn chủ sở hữu". Khi công trình xây dựng nhà xưởng, văn phòng của Công ty hoàn thành, toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh thực tế lũy kế được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, riêng phần chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại lũy kế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 5 năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền mặt	131.380.282	164.072.370
Tiền gửi ngân hàng	7.453.746.606	14.906.036.318
	<u>7.585.126.888</u>	<u>15.070.108.688</u>

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	30/6/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền gửi có kỳ hạn	266.807.216.929	163.131.078.167
Ủy thác quản lý vốn	50.000.000.000	1.069.658.000.000
	<u>316.807.216.929</u>	<u>1.232.789.078.167</u>

Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản ủy thác quản lý vốn tại Ngân hàng và các Tổ chức tín dụng bằng đồng Việt Nam với mức lãi suất 14% một năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ PHẢI THU KHÁC**

Phải thu khách hàng thể hiện khoản phải thu tiền điện cung cấp cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam tính đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2011 theo hợp đồng bán điện áp dụng cho giai đoạn chạy thử và vận hành thương mại chu trình đơn số 02/PVNT2-EVN-2011 ngày 13 tháng 4 năm 2011.

Đối với phần tiền điện đã xuất hóa đơn cho các khách hàng sẽ được ghi nhận trên tài khoản Phải thu khách hàng và phần tiền điện chưa xuất hóa đơn sẽ được tạm thời ghi nhận trên tài khoản Phải thu khác và được kết chuyển sang tài khoản Phải thu khách hàng vào kỳ kế toán tiếp theo ngay khi hóa đơn được phát hành.

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Trả trước cho người bán bao gồm các khoản tạm ứng cho nhà thầu để thực hiện các công việc thiết kế, chế tạo, cung cấp hàng đến công trường, lắp ráp, thử nghiệm và chạy thử máy móc thiết bị nhà máy và các công việc theo sơ đồ đường găng của Công trình dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

	30/6/2011	31/12/2010
	VNĐ	VNĐ
Ban Quản lý Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2	29.560.737.448	40.120.000.000
Tổng Công ty Lắp máy Việt nam	16.389.022.851	299.889.791.684
Khác	3.971.234.776	5.559.087.401
	<u>49.920.995.075</u>	<u>345.568.879.085</u>

9. HÀNG TỒN KHO

Giá trị hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 thể hiện giá trị dầu DO được nhập kho và dùng trong quá trình chạy thử để nghiệm thu Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước thể hiện khoản chênh lệch phần thuế Thu nhập Doanh nghiệp tạm tính hàng quý với phần thuế Thu nhập Doanh nghiệp tính cho thu nhập trước thuế tính đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2011.

11. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2011	9.086.014.445	1.308.626.233	10.394.640.678
Tăng	-	67.037.635	67.037.635
Tại ngày 30/6/2011	<u>9.086.014.445</u>	<u>1.375.663.868</u>	<u>10.461.678.313</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2011	(2.721.658.890)	(907.339.380)	(3.628.998.270)
Khấu hao trong kỳ	(736.481.874)	(153.271.373)	(889.753.247)
Tại ngày 30/6/2011	<u>(3.458.140.764)</u>	<u>(1.060.610.753)</u>	<u>(4.518.751.517)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2011	<u>5.627.873.681</u>	<u>315.053.115</u>	<u>5.942.926.796</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>6.364.355.555</u>	<u>401.286.853</u>	<u>6.765.642.408</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	8.804.021.197.386	1.838.792.742.641
Tăng	<u>1.830.682.127.567</u>	<u>6.965.228.454.745</u>
Tại ngày 30 tháng 6/ 31 tháng 12	<u>10.634.703.324.953</u>	<u>8.804.021.197.386</u>

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí đi vay được vốn hóa với số tiền là 499.658.290.803 đồng và các khoản chi phí phát sinh cho việc thiết kế, chế tạo, cung cấp hàng đến công trường, lắp ráp, thử nghiệm và chạy thử máy móc thiết bị nhà máy và thực hiện công việc theo sơ đồ đường gang dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 đạt được công suất 750MV.

Theo nghị quyết số 07/NQ-CPNT2 ngày 18 tháng 03 năm 2011 của Hội Đồng Quản Trị Công ty, chênh lệch giữa doanh thu tiền điện và các chi phí bán điện phát sinh trước ngày cấp PAC (Chứng chỉ chấp nhận tạm thời) cho chu trình hỗn hợp Nhà Máy Điện Nhơn Trạch 2 được ghi nhận tăng/giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Tính đến 30 tháng 6 năm 2011 Công ty đã góp 11.140.000.000 đồng (Năm 2010: 11.140.000.000 đồng), tương đương với 1.114.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu), chiếm 13,92% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao ("Sopewaco").

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng giá thị trường của các khoản đầu tư này cao hơn giá gốc, vì thế không cần thiết phải lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	919.328.193.477	14.431.091
Tăng	118.730.139.389	921.083.963.023
Phân bổ vào chi phí trong kỳ/năm	<u>(37.636.100.604)</u>	<u>(1.770.200.637)</u>
Tại ngày 30 tháng 6 / 31 tháng 12	<u>1.000.422.232.262</u>	<u>919.328.193.477</u>

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các chi phí:

- Phí bảo hiểm khoản vay tín dụng: Theo hợp đồng vay tín dụng xuất khẩu ký ngày 22 tháng 7 năm 2010 và 23 tháng 7 năm 2010 giữa Công ty và các ngân hàng tài trợ do Citibank làm đại lý. Phí bảo hiểm khoản vay được phát hành bởi HERMES và NEXI bảo hiểm cho các bên cho vay trong toàn bộ thời hạn vay theo hợp đồng là 2,5 năm ân hạn và 9,5 năm trả nợ.
- Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị: Theo hợp đồng bảo trì công trình dài hạn số VIT1000 NT2 2009-11-03 giữa Công ty và Siemens AG; Siemens Ltd. Vietnam cho công tác bảo trì máy móc thiết bị chính cho Nhà Máy Điện Nhơn Trạch 2 trong thời hạn 11,7 năm hoặc 100.000 EOH. Phí huy động, phí cố định và phí biến đổi được thanh toán trước khi Nhà Máy Điện Nhơn Trạch 2 vận hành thương mại. Tính đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2011, căn cứ điều khoản của hợp đồng này, Công ty đã nhập khẩu lượng vật tư đi kèm với tổng giá trị tính thuế nhập khẩu là: EUR 4.677.627.57 tương đương 133.058.861.603 đồng.
- Lãi vay thanh toán cho hợp đồng bảo trì bảo dưỡng máy móc: Các chi phí đi vay liên quan đến công tác thanh toán hợp đồng bảo trì công trình dài hạn số VIT1000 NT2 2009-11-03 giữa Công ty và Siemens AG; Siemens Ltd. Vietnam. Chi phí đi vay phát sinh trước khi Nhà Máy Điện Nhơn Trạch 2 vận hành thương mại và không thuộc chi phí đầu tư dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Âp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/6/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Vay ngắn hạn	56.624.419.782	1.046.600.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	574.916.723.555	20.763.731.610
	<u>631.541.143.337</u>	<u>1.067.363.731.610</u>

Vay và nợ ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương – CN Sài Gòn dưới hình thức vay ngắn hạn hoặc phát hành tín dụng thư. Khoản vay này được rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 100.000.000.000 đồng, lãi suất vay sẽ được điều chỉnh 3 tháng 1 lần, lãi suất vay điều chỉnh được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm đồng Việt Nam 12 tháng trả lãi sau do Bên cho vay công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,5%/năm.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thuế thu nhập cá nhân	182.769.373	151.187.043
	<u>182.769.373</u>	<u>151.187.043</u>

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 chủ yếu là khoản công nợ phải trả cho nguyên liệu khí dùng trong quá trình chạy thử để nghiệm thu Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 nhưng chưa nhận được hóa đơn từ nhà cung cấp tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 với số tiền là 81.146.807.856 đồng, chi phí bảo trì bảo dưỡng dài hạn Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 với số tiền là 41.596.409.722 đồng theo hợp đồng bảo trì công trình dài hạn số VIT1000 NT2 2009-11-03 giữa Công ty và Siemens AG; Siemens Ltd. Vietnam cho công tác bảo trì máy móc thiết bị chính cho Nhà Máy Điện Nhơn Trạch 2 trong thời hạn 11,7 năm hoặc 100.000 EOH. Ngoài ra, chi phí phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 còn bao gồm số tiền lãi vay trích trước là 23.261.164.177 đồng (tại ngày 30 tháng 6 năm 2010: 6.002.512.083 đồng).

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/6/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Vay dài hạn	9.822.652.154.989	7.073.806.086.716
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả	(574.916.723.555)	(20.763.731.610)
	<u>9.247.735.431.434</u>	<u>7.053.042.355.106</u>

Tại ngày 15 tháng 3 năm 2010, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank), Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức 10.000.000 Euro với thời hạn vay là 4 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Nợ gốc của khoản vay sẽ được thanh toán định kỳ hàng quý trong vòng 10 kỳ thanh toán. Lần trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15 tháng 12 năm 2011. Khoản vay này dưới hình thức tín chấp và chịu lãi suất 5,33%/năm và sẽ được điều chỉnh 6 tháng 1 lần bằng lãi suất tiền gửi huy động 12 tháng của Techcombank HCM tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,5%/năm. Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty đã rút 8.301.417,52 Euro tương đương 212.481.910.755 đồng.

Vào ngày 22 tháng 7 năm 2010 và ngày 23 tháng 7 năm 2010 Công ty đã ký các hợp đồng vay với các ngân hàng tài trợ là HERMES, CIRR, NEXI và Citibank với Citibank là ngân hàng đầu mối với tổng hạn mức vay là 215.380.981 Đô la Mỹ và 202.585.883 Euro. Các khoản vay này được chính phủ Việt Nam bảo lãnh và được cấp bảo hiểm bởi HERMES và NEXI. Các khoản vay này có thời gian ân hạn đến ngày 1 tháng 12 năm 2011. Lãi suất được tính theo Euribor 6 tháng và Libor 6 tháng cộng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

cho các khoản lãi suất điều chỉnh. Nợ gốc và lãi vay được trả 6 tháng một lần trong đó thời gian trả nợ gốc là 9,5 năm được chia thành 19 kỳ trả nợ đều nhau với thời điểm trả nợ gốc đầu tiên là ngày 1 tháng 6 năm 2012.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2011
	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	574.916.723.555
Trong năm thứ hai	1.101.623.495.630
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.096.914.643.153
Sau năm năm	5.049.197.292.651
	<u>9.822.652.154.989</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(574.916.723.555)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>9.247.735.431.434</u>

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	30/6/2011		31/12/2010	
	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>
Cổ phần được phép phát hành	256.000.000	2.560.000.000.000	256.000.000	2.560.000.000.000
Cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ	256.000.000	2.560.000.000.000	256.000.000	2.560.000.000.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại ngày 31/12/2010	Vốn đã góp tại ngày 30/6/2011
	<u>VND</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam	1.326.061.500.000	51,8	1.326.061.500.000	1,607,661,500,000
Tổng công ty Tài chính Cổ Phần Dầu khí Việt Nam	281.600.000.000	11	281.600.000.000	-
Công ty TNHH Phát Triển Công Nghệ	256.000.000.000	10	256.000.000.000	256.000.000.000
Tập đoàn Bưu Chính Viễn Thông Việt Nam	128.000.000.000	5	128.000.000.000	128.000.000.000
Tập đoàn Than Khoáng Sản Việt Nam	128.000.000.000	5	128.000.000.000	128.000.000.000
Công ty ElectricPower Development (J-Power - Nhật Bản)	128.000.000.000	5	128.000.000.000	128.000.000.000
Ngân hàng ĐT & PT Việt Nam	64.000.000.000	2,5	64.000.000.000	64.000.000.000
Tập đoàn Điện Lực Việt Nam	64.000.000.000	2,5	64.000.000.000	64.000.000.000
Các cổ đông khác	184.338.500.000	7,2	184.338.500.000	184.338.500.000
	<u>2.560.000.000.000</u>	<u>100</u>	<u>2.560.000.000.000</u>	<u>2.560.000.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

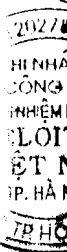
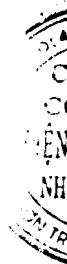
Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Theo Quyết định số 98/QĐ/HĐTV-ĐLĐK ngày 17 tháng 2 năm 2011 của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam đã chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 cho Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam với số lượng cổ phần nhận chuyển nhượng là 28.160.000 cổ phần tương ứng với 11% Vốn Điều lệ của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

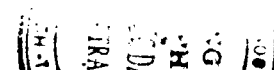
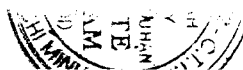
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ VNĐ	Vốn khác của chủ sở hữu VNĐ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 1/1/2010	2.560.000.000.000	-	123.934.916.030	11.140.000.000	175.499.315.320	2.870.574.231.350
Chênh lệch tỷ giá	-	-	(117.393.150.517)	-	-	(117.393.150.517)
Phân bổ từ lợi nhuận	-	163.455.502.290	-	6.790.478.253	(178.954.315.320)	(8.708.334.777)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	31.641.887.559	31.641.887.559
Số dư tại ngày 31/12/2010	2.560.000.000.000	163.455.502.290	6.541.765.513	17.930.478.253	28.186.887.559	2.776.114.633.615
Chênh lệch tỷ giá	-	-	(1.012.068.304.886)	-	-	(1.012.068.304.886)
Phân bổ từ lợi nhuận	-	-	-	1.582.094.378	(11.701.921.656)	(10.119.827.278)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	983.249.785	983.249.785
Số dư tại ngày 30/6/2011	2.560.000.000.000	163.455.502.290	(1.005.526.539.373)	19.512.572.631	17.468.215.688	1.754.909.751.236

Trong kỳ, Công ty đã trích lập quỹ đầu tư phát triển là 1.582.094.378 đồng (Năm 2010: 6.790.478.253 đồng), quỹ khen thưởng phúc lợi là 8.836.904.378 đồng (Năm 2010: 8.708.334.777 đồng) theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông số 10/CPNT2-NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2011 của Công ty.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ chủ yếu do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của các khoản vay dài hạn có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2011. Giá trị của các khoản vay dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 được trình bày tại Thuyết minh số 16 có số nguyên tệ tương ứng lần lượt là 178.956.404,74 EUR và 179.362.215,11 USD.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	1.310.999.714	56.735.962.987
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	3.920.000
Thu nhập chịu thuế	1.310.999.714	56.739.882.987
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	327.749.929	14.184.970.747
Giảm trừ thuế	-	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	327.749.929	14.184.970.747-

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu và 25% cho những năm tiếp theo.

Công ty được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập từ các hoạt động khác theo quy định hiện hành.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

21. CÁC KHOẢN CAM KẾT VỐN

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Các khoản cam kết vốn đã được phê duyệt	1.500.618.368.649	3.883.350.000.000

Các khoản cam kết vốn này đã được phê duyệt nhưng chưa thực hiện tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 liên quan đến công việc thiết kế, xây dựng và chế tạo cho Công trình dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Tạm ứng		
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	-	2.487.977.493
Ban điều hành - Dự án Nhà máy Khí Điện Nhơn Trạch 2 ("PVC")	-	1.048.933.505

